

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Sơn La đến năm 2035,
định hướng đến năm 2045

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 18/10/2025 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 352/TTr-SKH-CN ngày 22/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Sơn La đến năm 2035, định hướng đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là *Chiến lược*), với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2035

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.
- Đảm bảo bố trí ít nhất 1% chi cho chuyển đổi số trong tổng ngân sách địa phương chi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện; có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương; 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử; tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- 100% chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Quy mô kinh tế số đạt 20% GRDP.

b) Mục tiêu đến năm 2045

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện; 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương; 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử; tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Duy trì, nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

- 100% chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.

- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

- Kinh tế số đạt 30% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a) Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và Tỉnh ủy; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Chiến lược; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về chuyển đổi số vào cấp ủy các cấp theo Quy định, hướng dẫn của Trung ương.

b) Lồng ghép các nội dung trong chiến lược vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, tăng cường sự vào cuộc của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, gắn với trách nhiệm, lộ trình thực hiện cụ thể.

d) Xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể trong từng năm, trong đó xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, thời hạn hoàn thành nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện (*nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...*).

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

a) Thường xuyên tổ chức quán triệt bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú (*hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...*) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân về chuyển đổi số. Xây dựng tài liệu, cảm nang về chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (*video clip, infographic, mạng xã hội...*). Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

b) Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến lợi ích của chuyển đổi số trên các phương tiện báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở. Đa dạng hóa hình thức truyền thông (*báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...*).

c) Triển khai sâu rộng phong trào “*Bình dân học vụ số*”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn theo Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 21/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Phát động các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong triển khai phát triển chuyển đổi số trên địa bàn. Lấy kết quả triển khai chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

a) Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung ban hành mới các văn bản pháp luật (*các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...*) thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của chuyển đổi số.

b) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn.

c) Tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, có kiểm soát rủi ro; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

d) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ dự án chuyển đổi số của tỉnh; đồng thời kêu gọi đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của tỉnh.

đ) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

e) Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

g) Bố trí đủ nguồn lực (*nhân lực, vật lực, tài lực*) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

h) Xây dựng chương trình đầu tư công chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030, giai đoạn 2030 - 2035, giai đoạn 2035-2040, giai đoạn 2040 - 2045.

4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025 - 2030.

b) Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (*khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch Quốc gia, ...*) có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (*4G, 5G, cáp quang*) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

d) Xây dựng (*hoặc thuê dịch vụ*) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Rà soát, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đã công bố; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

đ) Áp dụng giải pháp công nghệ (*IoT, AI, GIS...*) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

e) Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

5. Phát triển nhân lực số

a) Xác định nhu cầu nhân lực của từng ngành, lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu, chất lượng cao; xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

b) Xây dựng kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường, rõ lộ trình với các giải pháp cụ thể tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

c) Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp; mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

6. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

a) Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số. Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương chuyển giao.

b) Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

c) Vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường,...

d) Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (*quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...*). Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

đ) Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

e) Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến... Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (*Big Data, AI*) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

g) Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

Hình thành Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh, xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố; ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng, định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng, tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

a) Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài khu vực để chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung..., phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị.

b) Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyên đổi số cấp tỉnh, cấp vùng. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp công nghệ số - doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ khác.

c) Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số. Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số.

9. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chuyên đổi số. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyên đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho chuyên đổi số.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, ý nghĩa, kết quả của chuyên đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được phê duyệt.

2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì xây dựng Kế hoạch 5 năm chuyển đổi số tỉnh Sơn La theo từng giai đoạn để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược.

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, xã, phường thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách về dữ liệu, hoạt động xây dựng, khai thác, phát triển, bảo vệ cơ sở dữ liệu; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu trong Kho dữ liệu của tỉnh.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu tổ chức tổng kết Chiến lược vào năm 2045.

2. Sở Tài chính

Bộ trí kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Chiến lược, Kế hoạch, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương trong từng giai đoạn.

3. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, bảo đảm khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin, dịch vụ số.

b) Các sở, ban, ngành thường xuyên rà soát, đánh giá, nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số chuyên ngành, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước và bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị. Tổ chức các biện pháp cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

c) Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các cơ sở dữ liệu đã, đang và sẽ xây dựng, triển khai trong phạm vi quản lý.

d) Tổ chức tự kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/12 hàng năm.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2045

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	CHỈ ĐẠO, THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN				
1	Xây dựng Kế hoạch 5 năm chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định UBND tỉnh	2025, 2030, 2035, 2040
2	Xây dựng Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh thực hiện Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch UBND tỉnh	Tháng 11 hàng năm (<i>kế hoạch năm tiếp theo</i>)
3	Xây dựng Kế hoạch triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh về Chuyển đổi số; cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	Tháng 12 hàng năm (<i>kế hoạch năm tiếp theo</i>)
4	Xây dựng và phát sóng, đăng tải tin, bài, ảnh, phóng sự về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, phát thanh truyền hình, Cổng/Trang thông tin điện tử	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Tin, bài, ảnh, phóng sự	Cập nhật hàng năm
5	Xây dựng tài liệu, cẩm nang về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Video clip, infographic, mạng xã hội...	2026-2045
6	Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...	2026-2045

7	Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng đối với các chuyên gia, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các mô hình tiêu biểu, điển hình chuyển đổi số trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Hội nghị	2026-2045
8	Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, các cuộc thi, hội thi và các sự kiện kết nối giữa doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, người dân	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội nghị, hội thảo, các cuộc thi và sự kiện	2026-2045
II	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ SỐ				
1	Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính		2026-2045
2	Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang), nâng cấp, mở rộng băng thông đường truyền internet đến các vùng sâu, vùng xa, biên giới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND cấp xã		2026-2045
3	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2035-2040
4	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Quyết định	2026-2045

5	Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở	2026-2045
6	Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan		2026-2045
7	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án được ban hành và hoàn thành triển khai	2035-2040
III	BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG VÀ CHỦ QUYỀN SỐ				
1	Xây dựng kế hoạch đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026-2045
2	Kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026-2045
3	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026-2045

4	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ)	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Quy chế, quy định	2026-2045
5	Xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026-2045
IV	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO				
1	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Kế hoạch	2026-2045
2	Xây dựng Kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, gắn với chuyển đổi số	Trường Cao đẳng Sơn La; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026-2045
V	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ				
1	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
2	Phát triển các nền tảng số dùng chung, các CSDL dữ liệu số dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch thuê dịch vụ, đầu tư xây dựng	2026-2045

3	Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Kế hoạch triển khai	2026-2030
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Kế hoạch thuê dịch vụ, đầu tư xây dựng	2026-2030
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
6	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
7	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	2026-2045
8	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	Đơn vị có liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2026-2045

9	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các doanh nghiệp nhỏ và vừa; các đơn vị cung cấp giải pháp số	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
10	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
11	Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến nông sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
12	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	2035-2040
13	Hoàn thành việc triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: Phát triển kinh tế ban đêm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả	2035-2040
14	Phát triển thanh toán số	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045
15	Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	Sở Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2045

VI	HỢP TÁC, LIÊN KẾT VÙNG, QUỐC TẾ				
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo, kết nối về chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hội nghị	2026-2045
2	Tham gia diễn đàn, hội thảo, hợp tác, học tập kinh nghiệm với các địa phương; các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã			2026-2045
3	Hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Biên bản hợp tác	2026-2045
VII	KIỂM TRA, GIÁM SÁT				
1	Kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch, Báo cáo	2026-2045
2	Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí cho chuyển đổi số	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thông tin công khai trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội	2026-2045